

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12/9/2023

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Miên và bà Phạm Thị Sâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 404/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Ia C, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Đỗ Kim T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Ia C, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Kim T có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2015. Sau khi kết hôn chị V và anh T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là vì vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, tính cách vợ chồng trái ngược nhau, nhiều lần cãi vã đánh đập nhau. Mặc dù anh, chị đã nhiều lần hàn gắn

nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không thể trở về sống chung với nhau được nữa nên chị V đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Đỗ Đăng Anh Th, sinh ngày 23/6/2015. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Đỗ Đăng Anh Th cho chị nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Đỗ Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị Đặng Thị V có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2015.

Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là vì vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, tính cách vợ chồng trái ngược nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không thể cho nhau cơ hội trở về sống chung với nhau được nữa nên chị V xin ly hôn thì anh T cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Đăng Anh Th, sinh ngày 23/6/2015. Anh T nhất trí giao cháu Đỗ Đăng Anh Th cho chị Đặng Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị V không yêu cầu nên anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị V và anh Đỗ Kim T là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì chị V và anh T phát sinh mâu thuẫn, chị V không còn tình cảm với anh T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị V không còn yêu thương anh T, không còn mong muốn chung sống cùng anh T nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

Về con chung: Vì con chung hiện đang sống cùng chị V và nguyện vọng của

cháu Thi mong muốn được sống cùng với chị V . Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Đỗ Đăng Anh Th cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thi thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đặng Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Đỗ Kim T có địa chỉ tại: Thôn Ia C, xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị V và anh Đỗ Kim T qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị V và anh T không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị V không còn yêu thương anh T, không còn mong muốn chung sống cùng anh T nữa. Như vậy, chị V và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T cũng nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị V , tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc chị V yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh T có 01 con chung tên Đỗ Đăng Anh Th, sinh ngày 23/6/2015. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Đăng Anh

Th. Nguyễn vọng của cháu Thi cũng mong muốn được sống cùng với chị V. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Thi đang còn nhỏ, là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị V có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Kim T đã có lời khai, anh cũng nhất trí giao cháu Thi cho chị V nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Thi cho chị V nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thi trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T cũng có lời khai chị V không yêu cầu nên anh T không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Các Điều 266, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị V được ly hôn với anh Đỗ Kim T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Đặng Anh Th, sinh ngày 23/6/2015 cho chị Đặng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu Thi chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đỗ Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung Ngân sách nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005523 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia N;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt